

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI SAU ĐẠI HỌC ĐỢT 2 NĂM 2025

Phòng tập trung (P.308 nhà T5)

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành ĐKDT	Phòng phòng	Ca thi	Thời gian có mặt
1	01078	Đào Thu Hà Anh	Nữ	08/09/1994	Hà Nội	Khoa học dữ liệu	1	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
2	01079	Hà Vũ Đức Anh	Nam	02/12/2000	Hà Nội	Khoa học dữ liệu	1	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
3	01080	Khúc Hữu Anh	Nam	15/11/2002	Bắc Ninh	Khoa học dữ liệu	1	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
4	01081	Lê Đức Anh	Nam	04/05/1996	Hà Nội	Khoa học dữ liệu	1	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
5	01082	Lê Hoàng Anh	Nam	14/07/2003	Thái Nguyên	Khoa học dữ liệu	1	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
6	01083	Nguyễn Bảo Anh	Nam	02/09/2002	Hà Tĩnh	Khoa học dữ liệu	1	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
7	01084	Nguyễn Thái Anh	Nam	02/08/2000	Hung Yên	Khoa học dữ liệu	1	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
8	01085	Triệu Thị Vân Anh	Nữ	03/12/1997	TP.Hải Phòng	Khoa học dữ liệu	1	Ca 2	9h00 ngày 11/10/2025
9	01086	Nguyễn Thị Ánh	Nữ	06/06/2000	Hung Yên	Khoa học dữ liệu	1	Ca 2	9h00 ngày 11/10/2025
10	01087	Nguyễn Thị Thái Bảo	Nữ	07/11/1998	TP.Hải Phòng	Khoa học dữ liệu	1	Ca 2	9h00 ngày 11/10/2025
11	01088	Nguyễn Quốc Chính	Nam	21/06/2002	TP.Hải Phòng	Khoa học dữ liệu	1	Ca 2	9h00 ngày 11/10/2025
12	01089	Đình Mạnh Cường	Nam	18/06/2003	Hà Nội	Khoa học dữ liệu	1	Ca 2	9h00 ngày 11/10/2025
13	01090	Trần Mạnh Cường	Nam	05/09/1996	Hà Nội	Khoa học dữ liệu	1	Ca 2	9h00 ngày 11/10/2025
14	01091	Hồ Việt Dũng	Nam	31/12/2003	TP.Đà Nẵng	Khoa học dữ liệu	1	Ca 2	9h00 ngày 11/10/2025
15	01092	Nguyễn Quốc Dũng	Nam	02/09/2001	Hung Yên	Khoa học dữ liệu	2	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
16	01093	Nguyễn Chính Đạt	Nam	03/11/2001	Hà Nội	Khoa học dữ liệu	2	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
17	01094	Hồ Tuấn Hải	Nam	03/10/1999	Phú Thọ	Khoa học dữ liệu	2	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
18	01095	Vũ Đình Hiệp	Nam	30/11/2002	Hà Nội	Khoa học dữ liệu	2	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
19	01096	Nguyễn Đức Hiếu	Nam	03/06/2003	Hà Nội	Khoa học dữ liệu	2	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
20	01097	Trương Trung Hiếu	Nam	05/03/2001	Hà Nội	Khoa học dữ liệu	2	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
21	01098	Nguyễn Khánh Hoà	Nữ	23/10/2000	Hoà Bình	Khoa học dữ liệu	2	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành ĐKDT	Phòng phòng vấn	Ca thi	Thời gian có mặt
22	01099	Nguyễn Thị Hoài	Nữ	27/06/1982	Phú Thọ	Khoa học dữ liệu	2	Ca 2	9h00 ngày 11/10/2025
23	01100	Đào Huy Hoàng	Nam	13/12/2002	Hà Nội	Khoa học dữ liệu	2	Ca 2	9h00 ngày 11/10/2025
24	01101	Lê Huy Hoàng	Nam	06/06/2002	Hà Nội	Khoa học dữ liệu	2	Ca 2	9h00 ngày 11/10/2025
25	01102	Phạm Huy Hoàng	Nam	19/01/2000	Ninh Bình	Khoa học dữ liệu	2	Ca 2	9h00 ngày 11/10/2025
26	01103	Bùi Việt Hòa	Nam	01/09/2003	Ninh Bình	Khoa học dữ liệu	2	Ca 2	9h00 ngày 11/10/2025
27	01104	Bùi Quang Huy	Nam	23/01/2000	TP.Hải Phòng	Khoa học dữ liệu	2	Ca 2	9h00 ngày 11/10/2025
28	01105	Nguyễn Thanh Hưng	Nam	22/01/2002	Hà Nội	Khoa học dữ liệu	2	Ca 2	9h00 ngày 11/10/2025
29	01106	Cao Duy Khánh	Nam	16/02/2001	Hà Nội	Khoa học dữ liệu	3	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
30	01107	Nguyễn Hữu Khánh	Nam	04/10/2003	Hà Tĩnh	Khoa học dữ liệu	3	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
31	01108	Lê Ngọc Đăng Khoa	Nam	30/09/2002	Hà Nội	Khoa học dữ liệu	3	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
32	01109	Nguyễn Lê Tùng Lâm	Nam	30/09/1995	Hà Nội	Khoa học dữ liệu	3	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
33	01110	Lê Thị Liên	Nữ	15/05/2002	Thanh Hóa	Khoa học dữ liệu	3	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
34	01111	Vũ Thị Phương Liên	Nữ	03/12/1982	Phú Thọ	Khoa học dữ liệu	3	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
35	01112	Nguyễn Thị Diệu Linh	Nữ	14/04/2000	Nghệ An	Khoa học dữ liệu	3	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
36	01113	Nguyễn Thị Nhật Linh	Nữ	29/02/1996	Gia Lai	Khoa học dữ liệu	3	Ca 2	9h00 ngày 11/10/2025
37	01114	Nguyễn Trang Linh	Nữ	25/01/2001	Hà Nội	Khoa học dữ liệu	3	Ca 2	9h00 ngày 11/10/2025
38	01115	Nguyễn Thị Thanh Loan	Nữ	03/04/1995	Phú Thọ	Khoa học dữ liệu	3	Ca 2	9h00 ngày 11/10/2025
39	01116	Nguyễn Phúc Lợi	Nam	01/11/2002	Thanh Hóa	Khoa học dữ liệu	3	Ca 2	9h00 ngày 11/10/2025
40	01117	Hoàng Vũ Minh	Nam	15/12/2002	Bắc Ninh	Khoa học dữ liệu	3	Ca 2	9h00 ngày 11/10/2025
41	01118	Vũ Thanh Nga	Nữ	04/05/2001	Hà Nội	Khoa học dữ liệu	3	Ca 2	9h00 ngày 11/10/2025
42	01119	Nguyễn Thu Ngân	Nữ	24/06/2001	TP.Hải Phòng	Khoa học dữ liệu	3	Ca 2	9h00 ngày 11/10/2025
43	01120	Lê Thị Thu Nguyệt	Nữ	28/05/2002	Thanh Hóa	Khoa học dữ liệu	4	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
44	01121	Nguyễn Trang Nhung	Nữ	23/10/2000	Phú Thọ	Khoa học dữ liệu	4	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
45	01122	Tạ Ngọc Gia Như	Nữ	27/01/2001	Hà Nội	Khoa học dữ liệu	4	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành ĐKDT	Phòng phòng vấn	Ca thi	Thời gian có mặt
46	01123	Phạm Hữu Phú	Nam	25/11/1997	Hà Nội	Khoa học dữ liệu	4	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
47	01124	Nguyễn Hồng Phúc	Nam	29/03/2002	Thái Nguyên	Khoa học dữ liệu	4	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
48	01126	Nguyễn Thị Hà Phương	Nữ	10/12/2003	Hà Nội	Khoa học dữ liệu	4	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
49	01127	Phạm Duy Phương	Nam	02/05/2001	Hà Nội	Khoa học dữ liệu	4	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
50	01128	Hoàng Đình Quang	Nam	26/09/2001	Ninh Bình	Khoa học dữ liệu	4	Ca 2	9h00 ngày 11/10/2025
51	01129	Nguyễn Thị Khánh Quỳnh	Nữ	28/08/2001	Hà Nội	Khoa học dữ liệu	4	Ca 2	9h00 ngày 11/10/2025
52	01130	Phạm Trúc Quỳnh	Nữ	18/12/2000	Thái Nguyên	Khoa học dữ liệu	4	Ca 2	9h00 ngày 11/10/2025
53	01131	Tạ Minh Sơn	Nam	08/10/2000	TP.Hải Phòng	Khoa học dữ liệu	4	Ca 2	9h00 ngày 11/10/2025
54	01132	Nguyễn Khắc Thành	Nam	16/06/1997	Tuyên Quang	Khoa học dữ liệu	4	Ca 2	9h00 ngày 11/10/2025
55	01133	Ngô Thị Thanh Thảo	Nữ	27/11/2000	Ninh Bình	Khoa học dữ liệu	4	Ca 2	9h00 ngày 11/10/2025
56	01134	Nguyễn Lê Phương Thảo	Nữ	20/03/1999	Thanh Hóa	Khoa học dữ liệu	5	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
57	01135	Nguyễn Thị Phương Thảo	Nữ	24/01/2001	Ninh Bình	Khoa học dữ liệu	5	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
58	01136	Trình Thị Thảo	Nữ	25/07/1997	Thanh Hóa	Khoa học dữ liệu	5	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
59	01137	Nguyễn Quang Thắng	Nam	13/10/2001	Hà Nội	Khoa học dữ liệu	5	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
60	01138	Nguyễn Lương Thịnh	Nam	21/08/1991	Hà Nội	Khoa học dữ liệu	5	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
61	01139	Nguyễn Thị Thoa	Nữ	03/12/1997	Bắc Ninh	Khoa học dữ liệu	5	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
62	01140	Chu Ngô Phương Thủy	Nữ	03/01/2001	Bắc Ninh	Khoa học dữ liệu	5	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
63	01141	Cao Thị Thúy	Nữ	29/10/1991	Hà Nội	Khoa học dữ liệu	5	Ca 2	9h00 ngày 11/10/2025
64	01142	Đỗ Minh Tuấn	Nam	16/01/2002	Hà Nội	Khoa học dữ liệu	5	Ca 2	9h00 ngày 11/10/2025
65	01143	Nguyễn Minh Tuấn	Nam	21/06/2002	Thanh Hóa	Khoa học dữ liệu	5	Ca 2	9h00 ngày 11/10/2025
66	01144	Tổng Việt Tú	Nam	22/04/1997	Bắc Ninh	Khoa học dữ liệu	5	Ca 2	9h00 ngày 11/10/2025
67	01145	Nguyễn Nhật Tùng	Nam	11/11/2002	TP.Hải Phòng	Khoa học dữ liệu	5	Ca 2	9h00 ngày 11/10/2025
68	01146	Đào Diệp Vân	Nữ	14/02/2001	Hung Yên	Khoa học dữ liệu	5	Ca 2	9h00 ngày 11/10/2025
69	01147	Nguyễn Đỗ Thảo Vy	Nữ	11/12/2002	Đông Nai	Khoa học dữ liệu	5	Ca 2	9h00 ngày 11/10/2025

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành ĐKDT	Phòng phòng vấn	Ca thi	Thời gian có mặt
70	01072	Triệu Thị Thu Hà	Nữ	25/10/2003	TP.Hải Phòng	Toán học	6	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
71	01073	Nguyễn Thị Thúy Hằng	Nữ	22/06/1998	Hung Yên	Toán học	6	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
72	01074	Trần Đặng Nhật Linh	Nữ	01/06/2003	Hà Nội	Toán học	6	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
73	01075	Doãn Quang Tiến	Nam	14/04/2001	TP.HC M	Toán học	6	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
74	01076	Hoàng Huyền Trang	Nữ	24/09/2002	Tuyên Quang	Toán học	6	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
75	01077	Phạm Hà Trang	Nữ	17/09/2003	Sơn La	Toán học	6	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
76	01148	Nguyễn Thành Công	Nam	21/10/2003	Ninh Bình	Toán ứng dụng	6	Ca 2	9h00 ngày 11/10/2025
77	01149	Nguyễn Văn Huệ	Nam	15/09/1998	Hà Nội	Toán ứng dụng	6	Ca 2	9h00 ngày 11/10/2025
78	01150	Nguyễn Thị Thiên Hương	Nữ	01/11/2003	Quảng Ninh	Toán ứng dụng	6	Ca 2	9h00 ngày 11/10/2025
79	01064	Nguyễn Phương Linh	Nữ	03/04/2003	Ninh Bình	Thủy văn học	7	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
80	01032	Hoàng Lưu Trung Nghĩa	Nam	03/02/2002	Hung Yên	Cơ học	7	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
81	01033	Nguyễn Thị Thương	Nữ	07/09/2001	Thanh Hóa	Cơ học	7	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
82	01025	Phan Tiến Danh	Nam	26/06/2002	Hà Nội	Vật lý	8	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
83	01026	Lê Hoàng Dương	Nam	02/10/2003	Hà Nội	Vật lý	8	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
84	01027	Trần Thái Dương	Nam	05/01/1997	Hung Yên	Vật lý	8	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
85	01028	Đoàn Hương Giang	Nữ	03/03/2003	Hung Yên	Vật lý	8	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
86	01029	Lê Thị Đức Hạnh	Nữ	16/11/2003	Thanh Hóa	Vật lý	8	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
87	01030	Phạm Quang Hoàng	Nam	02/09/2002	Hà Nội	Vật lý	8	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
88	01031	Phạm Khánh Phong	Nam	16/08/2001	TP.Hải Phòng	Vật lý	8	Ca 2	9h00 ngày 11/10/2025
89	01034	Nguyễn Đình Đăng	Nam	10/01/1991	Nghệ An	Hoá học	9	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
90	01035	Nguyễn Ngọc Đức	Nam	17/03/2000	Ninh Bình	Hoá học	9	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
91	01036	Nguyễn Thị Thu Giang	Nữ	16/05/2002	Hà Nội	Hoá học	9	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
92	01037	Nguyễn Thanh Hoà	Nữ	01/07/2003	Bắc Ninh	Hoá học	9	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
93	01038	Nguyễn Đức Hùng	Nam	26/02/2003	Hung Yên	Hoá học	9	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành ĐKDT	Phòng phòng vấn	Ca thi	Thời gian có mặt
94	01039	Trương Thị Thu Hương	Nữ	16/10/2001	Hà Nội	Hoá học	9	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
95	01040	Hoàng Đăng Khoa	Nam	12/06/2003	Thanh Hóa	Hoá học	9	Ca 2	9h00 ngày 11/10/2025
96	01041	Trần Nguyễn Anh Khoa	Nam	30/09/1999	Đắk Lắk	Hoá học	9	Ca 2	9h00 ngày 11/10/2025
97	01042	Đặng Tuấn Kiệt	Nam	06/08/2001	Hà Nội	Hoá học	9	Ca 2	9h00 ngày 11/10/2025
98	01043	Nguyễn Thị Ngọc Linh	Nữ	06/05/2003	Hà Nội	Hoá học	9	Ca 2	9h00 ngày 11/10/2025
99	01044	Vũ Thùy Linh	Nữ	07/08/2003	TP.Hải Phòng	Hoá học	10	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
100	01045	Trần Thị Ngọc Mai	Nữ	25/10/1999	Nghệ An	Hoá học	10	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
101	01046	Dương Hữu Nghị	Nam	20/07/2003	Cao Bằng	Hoá học	10	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
102	01047	Trần Nguyễn Phan	Nam	05/12/2003	Hà Nội	Hoá học	10	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
103	01048	Nguyễn Thị Thu Phương	Nữ	20/01/1999	Hà Nội	Hoá học	10	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
104	01049	Lại Phương Thủy	Nữ	11/07/1993	Hung Yên	Hoá học	10	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
105	01050	Nguyễn Huyền Trang	Nữ	12/07/2001	Hà Nội	Hoá học	10	Ca 2	9h00 ngày 11/10/2025
106	01157	Nguyễn Quang Anh	Nam	01/04/2002	Hà Nội	Kỹ thuật hoá học	10	Ca 2	9h00 ngày 11/10/2025
107	01158	Phạm Thị Ánh Nguyệt	Nữ	22/04/1999	Hà Nội	Kỹ thuật hoá học	10	Ca 2	9h00 ngày 11/10/2025
108	01051	Nguyễn Hương Giang	Nữ	29/09/2001	Hà Nội	Hoá phân tích	11	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
109	01052	Trần Xuân Hợp	Nam	20/06/2001	Ninh Bình	Hoá phân tích	11	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
110	01053	Trần Thị Minh Ngọc	Nữ	27/12/2002	Nghệ An	Hoá phân tích	11	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
111	01054	Đỗ Yến Nhi	Nữ	23/08/2002	Hà Nội	Hoá phân tích	11	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
112	01055	Nguyễn Thị Hà Phương	Nữ	03/02/2001	Hà Tĩnh	Hoá phân tích	11	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
113	01056	Phạm Minh Phương	Nữ	26/09/2001	Hung Yên	Hoá phân tích	11	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
114	01057	Vũ Văn Quang	Nam	06/10/2000	Ninh Bình	Hoá phân tích	11	Ca 2	9h00 ngày 11/10/2025
115	01058	Nguyễn Thị Phương Thảo	Nữ	06/03/2000	Hà Nội	Hoá phân tích	11	Ca 2	9h00 ngày 11/10/2025
116	01059	Nguyễn Minh Tuấn	Nam	07/03/2003	Hung Yên	Hoá phân tích	11	Ca 2	9h00 ngày 11/10/2025
117	01065	Vũ Văn Hà	Nam	18/09/2002	TP.Hải Phòng	Khoa học môi trường	12	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành ĐKDT	Phòng	Ca thi	Thời gian có mặt
118	01066	Trần Trung Kiên	Nam	31/12/1999	Hà Nội	Khoa học môi trường	12	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
119	01067	Tạ Phúc Lâm	Nam	28/08/2001	Phú Thọ	Khoa học môi trường	12	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
120	01068	Phùng Bảo Ngọc	Nữ	01/08/2001	Liên Bang	Khoa học môi trường	12	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
121	01069	Nguyễn Tiến Phong	Nam	17/08/2002	Hưng Yên	Khoa học môi trường	12	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
122	01070	Lê Thu Thủy	Nữ	08/10/2000	Lai Châu	Khoa học môi trường	12	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
123	01071	Vũ Thị Thu Uyên	Nữ	14/02/2001	Quảng Ninh	Khoa học môi trường	12	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
124	01159	Nghiêm Văn Dũng	Nam	19/06/2003	Bắc Ninh	Kỹ thuật môi trường	12	Ca 2	9h00 ngày 11/10/2025
125	01160	Lương Ngọc Hải	Nam	02/08/2003	TP.Hải Phòng	Kỹ thuật môi trường	12	Ca 2	9h00 ngày 11/10/2025
126	01161	Vũ Thị Huế	Nữ	05/06/2001	Hà Nội	Kỹ thuật môi trường	12	Ca 2	9h00 ngày 11/10/2025
127	01162	Phạm Lương Khánh Linh	Nữ	19/11/2003	Hà Nội	Kỹ thuật môi trường	12	Ca 2	9h00 ngày 11/10/2025
128	01163	Đặng Quang Phúc	Nam	08/07/1999	Hà Nội	Kỹ thuật môi trường	12	Ca 2	9h00 ngày 11/10/2025
129	01013	Phạm Thị Duyên	Nữ	31/12/2000	Hưng Yên	Công nghệ sinh học	13	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
130	01014	Đỗ Thị Thanh Hiền	Nữ	20/12/1993	TP.Hải Phòng	Công nghệ sinh học	13	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
131	01015	Phạm Việt Hoàng	Nam	24/02/2003	Hà Nội	Công nghệ sinh học	13	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
132	01016	Dương Vũ Thùy Linh	Nữ	09/12/2002	Ninh Bình	Công nghệ sinh học	13	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
133	01017	Đặng Ngọc Linh	Nữ	18/02/2002	Tuyên Quang	Công nghệ sinh học	13	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
134	01018	Nguyễn Thùy Linh	Nữ	31/03/1999	Hưng Yên	Công nghệ sinh học	13	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
135	01019	Nguyễn Thị Cẩm Ly	Nữ	13/01/1999	Hưng Yên	Công nghệ sinh học	13	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
136	01020	Nguyễn Bích Thảo	Nữ	27/07/2003	Hà Nội	Công nghệ sinh học	13	Ca 2	9h00 ngày 11/10/2025
137	01021	Nguyễn Phương Thúy	Nữ	29/11/2003	Thanh Hóa	Công nghệ sinh học	13	Ca 2	9h00 ngày 11/10/2025
138	01022	Đặng Hương Trà	Nữ	10/12/2001	Hà Nội	Công nghệ sinh học	13	Ca 2	9h00 ngày 11/10/2025
139	01023	Trần Thị Xuân Trà	Nữ	12/04/2001	Hà Nội	Công nghệ sinh học	13	Ca 2	9h00 ngày 11/10/2025
140	01024	Bùi Thị Thu Uyên	Nữ	01/12/1999	Ninh Bình	Công nghệ sinh học	13	Ca 2	9h00 ngày 11/10/2025
141	01002	Trần Thị Minh Hiền	Nữ	10/12/1997	Thanh Hóa	Sinh học	14	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành ĐKDT	Phòng phòng vấn	Ca thi	Thời gian có mặt
142	01003	Nguyễn Văn Mạnh	Nam	11/12/1999	Quảng Ninh	Vi sinh vật học	14	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
143	01004	Nguyễn Văn Tự	Nam	20/09/2004	Đông Nai	Vi sinh vật học	14	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
144	01005	Nguyễn Thị Hà Anh	Nữ	05/02/2003	Hà Tĩnh	Sinh học thực nghiệm	14	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
145	01006	Ngô Thị Thùy Duong	Nữ	04/04/2002	Hưng Yên	Sinh học thực nghiệm	14	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
146	01007	Nguyễn Hà Dương	Nam	04/06/2001	Hà Nội	Sinh học thực nghiệm	14	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
147	01008	Trần Nguyễn Thanh Hằng	Nữ	09/01/2001	Hà Nội	Sinh học thực nghiệm	14	Ca 2	9h00 ngày 11/10/2025
148	01009	Nguyễn Ngọc Khánh Linh	Nữ	23/04/2003	Nghệ An	Sinh học thực nghiệm	14	Ca 2	9h00 ngày 11/10/2025
149	01010	Trần Giang Nam	Nam	08/09/2003	Hà Nội	Sinh học thực nghiệm	14	Ca 2	9h00 ngày 11/10/2025
150	01011	Trần An Duyên	Nữ	07/05/2004	Hà Nội	Di truyền học	14	Ca 2	9h00 ngày 11/10/2025
151	01012	Lê Thị Ngọc Huệ	Nữ	01/02/1997	Hà Nội	Di truyền học	14	Ca 2	9h00 ngày 11/10/2025
152	01001	Đào Nguyễn Tuấn Anh	Nam	21/08/2001	Hưng Yên	Quản lý phát triển bất động sản và đô thị	15	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
153	01060	Nguyễn Tiến Đạt	Nam	25/10/2003	TP.HC M	Bản đồ, viễn thám và hệ thống	15	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
154	01061	Tăng Thị Huệ	Nữ	28/01/2003	TP.Hải Phòng	Bản đồ, viễn thám và hệ thống	15	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
155	01062	Lê Thanh Tùng	Nam	26/04/2002	Hà Nội	Bản đồ, viễn thám và hệ thống	15	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
156	01063	Lê Văn Vinh	Nam	09/05/2001	TP.Hải Phòng	Bản đồ, viễn thám và hệ thống	15	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
157	01164	Nguyễn Minh Ánh	Nữ	01/11/2003	Hà Nội	Quản lý tài nguyên và môi	15	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
158	01165	Trần Quang Duy	Nam	20/09/2001	Hà Nội	Quản lý đất đai	15	Ca 2	9h00 ngày 11/10/2025
159	01166	Bùi Thị Phương Thảo	Nữ	01/05/2002	Hoà Bình	Quản lý đất đai	15	Ca 2	9h00 ngày 11/10/2025
160	01167	Lê Quang Trường	Nam	12/05/2003	Hà Nội	Quản lý đất đai	15	Ca 2	9h00 ngày 11/10/2025
161	01168	Tổng Duy Hải	Nam	30/10/2003	Thanh Hóa	Địa lý	15	Ca 2	9h00 ngày 11/10/2025
162	01169	Thái Văn Đức	Nam	29/04/2003	TP.HC M	Địa chất môi trường	16	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
163	01170	Trần Minh Hiếu	Nam	10/04/2003	Ninh Bình	Địa chất môi trường	16	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
164	01171	Nguyễn Thị Hương	Nữ	28/07/2003	Quảng Ninh	Địa chất môi trường	16	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
165	01172	Nguyễn Khánh Linh	Nữ	20/08/2003	Hà Nội	Địa chất môi trường	16	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành ĐKDT	Phòng phòng vấn	Ca thi	Thời gian có mặt
166	01173	Nguyễn Phương Linh	Nữ	18/10/2003	TP.Hải Phòng	Địa chất môi trường	16	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
167	01174	Phạm Kiều Loan	Nữ	17/08/2003	Lai Châu	Địa chất môi trường	16	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
168	01175	Nguyễn Văn Mạnh	Nam	29/08/2003	Phú Thọ	Địa chất môi trường	16	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
169	01176	Nguyễn Quang Ngọc	Nam	21/06/2003	Hà Nội	Địa chất môi trường	16	Ca 2	9h00 ngày 11/10/2025
170	01177	Trịnh Minh Quân	Nam	25/09/2003	Phú Thọ	Địa chất môi trường	16	Ca 2	9h00 ngày 11/10/2025
171	01178	Đào Văn Thái	Nam	29/04/2003	TP.Hải Phòng	Địa chất môi trường	16	Ca 2	9h00 ngày 11/10/2025
172	01179	Giang Ngọc Thảo	Nữ	28/10/2003	Hà Nội	Địa chất môi trường	16	Ca 2	9h00 ngày 11/10/2025
173	01180	Nguyễn Phương Thảo	Nữ	23/02/2003	Quảng Ninh	Địa chất môi trường	16	Ca 2	9h00 ngày 11/10/2025
174	01181	Hà Công Tiến	Nam	23/02/2002	Phú Thọ	Địa chất môi trường	16	Ca 2	9h00 ngày 11/10/2025
175	01182	Bùi Nguyễn Thanh Trà	Nữ	26/03/2003	TP.Hải Phòng	Địa chất môi trường	16	Ca 2	9h00 ngày 11/10/2025
176	01151	Trần Phương Nga	Nữ	13/08/2002	Hà Nội	Phương pháp toán sơ cấp (định hướng ứng dụng)	17	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
177	01152	Nguyễn Ngọc Ánh	Nữ	14/09/2003	Hà Nội	Phương pháp toán sơ cấp (định hướng ứng dụng)	17	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
178	01153	Đặng Minh Dũng	Nam	08/11/2000	TP.Hải Phòng	Phương pháp toán sơ cấp (định hướng ứng dụng)	17	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
179	01154	Lã Thị Hương Giang	Nữ	23/11/2002	Phú Thọ	Phương pháp toán sơ cấp (định hướng ứng dụng)	17	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
180	01155	Chu Văn Khuyến	Nam	23/04/1994	Hà Nội	Phương pháp toán sơ cấp (định hướng ứng dụng)	17	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025
181	01156	Trần Văn Long	Nam	08/10/2001	Ninh Bình	Phương pháp toán sơ cấp (định hướng ứng dụng)	17	Ca 1	7h00 ngày 11/10/2025